

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JAPAN VIETNAM TRADING COOPERATIVE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: JAVITRACO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107484586

3. Ngày thành lập: 24/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18, TT 37, Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916 999 858 / 0437 368 168 Fax:

Email: Javitraco.vn@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
7.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
8.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
9.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
13.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
14.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
16.	Đúc sắt, thép	2431
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
20.	Trồng cây hàng năm khác	0119

21.	Trồng cây ăn quả	0121
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
30.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
31.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
33.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
34.	Khai thác thủy sản biển	0311
35.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
36.	Khai thác quặng sắt	0710
37.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
40.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
45.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
46.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
47.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
48.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
49.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
50.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
52.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
53.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
54.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
55.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
56.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
57.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
58.	Sản xuất giày dép	1520
59.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

60.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
61.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
62.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
65.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
68.	Cơ sở lưu trú khác	5590
69.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
70.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
76.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
77.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
78.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
79.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80.	Xây dựng nhà các loại	4100
81.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
82.	Xây dựng công trình công ích	4220
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
84.	Phá dỡ	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
88.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
89.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
90.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
91.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
92.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
93.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

94.	Bán buôn thực phẩm	4632
95.	Bán buôn đồ uống	4633
96.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
97.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
98.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
99.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
100.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
101.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
102.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
103.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
104.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
105.	Đào tạo cao đẳng	8541
106.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
107.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
108.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
109.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
110.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	8890
111.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
112.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
113.	Hoạt động thể thao khác	9319
114.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
115.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	9412
116.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
117.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
118.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
119.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
120.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
121.	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	9900
122.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
123.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
124.	Cho thuê xe có động cơ	7710
125.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
126.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
128.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

129.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810(Chính)
130.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
131.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
132.	Đại lý du lịch	7911
133.	Điều hành tua du lịch	7912
134.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
135.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
136.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
137.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
138.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 6.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHÁNH THÀNH	Số 13, ngõ 268, đường Nguyễn Khoái, tổ 30, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	31.000	310.000.000	5,000	001075008030	
			Tổng số	31.000	310.000.000	5,000		
2	ĐỖ HỮU HÒA	Số 57, ngõ 296 đường Lĩnh Nam, tổ 16, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	372.000	3.720.000.000	60,000	013016689	
			Tổng số	372.000	3.720.000.000	60,000		
3	NGUYỄN HỒNG SƠN	1A, ngõ 4 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	217.000	2.170.000.000	35,000	012242199	
			Tổng số	217.000	2.170.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ HỮU HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013016689

Ngày cấp: 02/11/2007

Nơi cấp: Công an Hà nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 57, ngõ 296 đường Lĩnh Nam, tổ 16, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 57, ngõ 296 đường Lĩnh Nam, tổ 16, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội